

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Hồng Trà;

2. Bà Đào Thị Ngâm.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*  
Ông Lương Công Trứ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 358 /2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐST - DS ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Tâm, sinh năm 1990; Nơi cư trú: thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Võ S, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 23/19 đường N, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: vợ chồng tự nguyện tìm hiểu, kết hôn được Ủy ban nhân dân (UBND) phường Y, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 01 ngày 03/02/2015.

Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, đến tháng 9/2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vấn đề tiền bạc, anh S thay đổi tính tình; không quan tâm vợ con. Chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S vẫn không thay đổi. Từ tháng 2/2020 đến nay, hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận

thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng mỗi bên.

- Về con chung: có 02 con chung tên Võ T, sinh ngày 12/9/2015 và Võ M, sinh ngày 13/8/2018. Từ ngày vợ chồng xa nhau, 02 con do chị nuôi dưỡng nên ly hôn, xin nuôi 02 con và không yêu cầu anh Sinh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Võ S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không lấy lời khai anh S và tiến hành hòa giải được.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Võ S; về con chung: giao 02 con chung tên Võ T, sinh ngày 12/9/2015 và Võ M, sinh ngày 13/8/2018 cho chị T nuôi dưỡng, anh Võ S không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **I. Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Bị đơn anh Võ S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

### **[2] II. Về nội dung vụ án:**

[3] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Võ S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố T vào ngày 03/02/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vấn đề tiền bạc, anh S thay đổi tính tình; không quan tâm vợ con, hai bên sống ly

thân từ tháng 2/2020. Tòa án nhiều lần triệu tập anh S để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh S không đến, điều này thể hiện anh S không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn anh S để các bên ổn định cuộc sống riêng.

[4] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Võ T, sinh ngày 12/9/2015 và Võ M, sinh ngày 13/8/2018. Hiện nay 02 con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn nên khi giải quyết cho ly hôn cần giao 02 con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo cho 02 con phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] **III. Về án phí:** Nguyên đơn chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Võ S.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ T, sinh ngày 12/9/2015 và Võ M, sinh ngày 13/8/2018 cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng. Anh Võ S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: nguyên đơn chị Đỗ Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0001622 ngày 04/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường Y, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lê Xuân Thu**







